**ĐỀ 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY SƠN TRƯỜNG THCS BÌNH NGHI** | **ĐỀ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ GIỮA KÌ II**  **TOÁN 8 NĂM HỌC: 2023 – 2024**  **Thời gian làm bài:** 90 phút (không kể thời gian phát đề) |

**A. TRẮC NGHIỆM:** (3 điểm)

*Chọn một chữ cái đứng trước phương án trả lời mà em chọn và ghi kết quả vào giấy làm bài theo mẫu sau*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** |
| **Trả lời** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**Câu 1.** Thống kê tỉ lệ % học sinh lớp 8B chọn môn thể thao yêu thích (mỗi em chọn 1 môn), được cho trong bảng sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Môn thể thao** | Bóng đá | Cầu lông | Bóng chuyền | Bóng bàn |
| **Tỉ lệ %** |  |  |  |  |

Môn thể thao học sinh lớp 8B yêu thích nhiều nhất là ?

**A.** Bóng chuyền  **B.** Bóng bàn  **C.** Cầu lông  **D.** Bóng đá

**Câu 2.** Khi muốn lập biểu đồ về tỉ lệ số học sinh của lớp xếp loại học lực Tốt, Khá, Đạt, Chưa đạt vào cuối học kì 1 , ta nên sử dụng loại biểu đồ nào dưới đây?

**A.** Biểu đồ tranh **B.** Biểu đồ cột

**C.** Biểu đồ hình quạt tròn **D.** Biểu đồ đoạn thẳng

**Câu 3:** Thống kê số lượng học sinh từng lớp ở khối 8 của một trường THCS dự thi hết học kì I môn Toán. Số liệu trong bảng bên **không** hợp lí là:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **LỚP** | **SĨ SỐ** | **SỐ HỌC SINH DỰ THI** |
| **8A** | 40 | 40 |
| **8B** | 41 | 41 |
| **8C** | 43 | 43 |
| **8D** | 44 | 45 |

**A.** Số học sinh dự thi lớp 8D **B.** Số học sinh dự thi lớp 8C  
**C.** Số học sinh dự thi lớp 8B **D.** Số học sinh dự thi lớp 8A

**Câu 4.** Trong các dữ liệu sau, dữ liệu nào là dữ liệu định tính?

**A.** Số huy chương vàng mà các vận động viên đã đạt được  
**B.** Danh sách các vận động viên tham dự Olympic 2021: Nguyễn Văn Hoàng…  
**C.** Số học sinh nữ của các tổ trong lớp 7A  
**D.** Năm sinh của các thành viên trong gia đình em

**Câu 5.** Gieo một con xúc xắc cân đối và đồng chất. Xác suất thực nghiệm của biến cố “Gieo được mặt có số chấm chẵn” là:

**A.**   **B.**   **C.** 1  **D.** 

**Câu 6.** Một hộp có 4 tấm thẻ cùng loại được đánh số lần lượt: 2; 3; 4; 5. Chọn ngẫu nhiên một thẻ từ hộp, kết quả thuận lợi cho biến cố “Số ghi trên thẻ chia hết cho 3” là thẻ

**A.** ghi số 5  **B.** ghi số 3  **C.** ghi số 4  **D.** ghi số 2

**Câu 7.**  Gieo một con xúc xắc cân đối và đồng chất. Xác suất thực nghiệm của biến cố “Gieo được mặt có số chấm lẻ” là:

**A.**   **B.**   **C.** 1  **D.** 

**Câu 8.** Xác suất thực nghiệm càng gần xác suất khi

**A.** Khi số lần thực nghiệm càng nhỏ**. B.** Khi số lần thực nghiệm càng lớn

**C.** Khi có một lần thực nghiệm **D.** Khi số lần thực hiện bằng 60

**Câu 9.** Cho  biết  và  khi đó tỉ số đồng dạng bằng

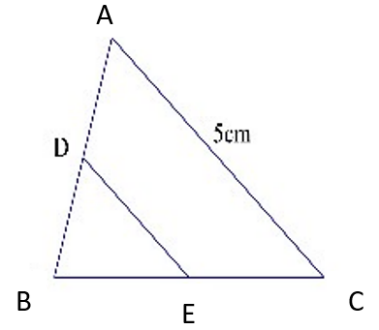
**A.** 5 .  **B.** 3 .  **C.** 2 .  **D.** 4 .

**Câu 10**. Cho các hình vẽ:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A triangle with letters and numbers  Description automatically generated  *Hình 1* | A diagram of a triangle  Description automatically generated  *Hình 2* | A triangle with letters and numbers  Description automatically generated  *Hình 3* | A triangle with a triangle and a triangle with a triangle and a triangle with a triangle and a triangle with a triangle and a triangle with a triangle and a triangle with a triangle and a triangle with  Description automatically generated  *Hình 4* |

Đoạn thẳng  là đường trung bình của tam giác  trong hình vẽ nào?

**A.** *Hình 3*  **B.** *Hình 2*  **C.** *Hình 1*  **D.** *Hình 4*

**Câu 11.** Cho tam giác ABC như hình vẽ, biết D, E thứ tự là trung điểm của AB, BC.

Độ dài đoạn thẳng DE bằng:

**A.** 1cm  **B.** 2,5cm

**C.** 2cm  **D.** 1,5cm

**Câu 12.** Cho tam giác ABC đồng dạng với tam giác A’B’C’. Hãy chọn phát biểu sai:

**A.**  **B.**  **C.**   **D.**

**B. TỰ LUẬN:** (7 điểm)

A diagram of a number of different types of data

Description automatically generated with medium confidence**Câu 1:** *(0,5 điểm)* Giải phương trình bậc nhất sau: 4x+6=0

**Câu 2:** *(2,5 điểm)*

Biểu đồ hình quạt tròn biểu diễn kết quả thống kê (tính theo tỉ số phần trăm) các thị trường cung cấp cà phê cho Tây Ban Nha trong 7 tháng đầu năm 2022.

a/ Trong 7 tháng đầu năm 2022 thị trường nào cung cấp cà phê cho Tây Ban Nha là nhiều nhất ? ít nhất ?

b/ Lượng cà phê mà thị trường Việt Nam cung cấp cho Tây Ban Nha gấp mấy lần thị trường Bỉ *(làm tròn kết quả đến hàng đơn vị)* ?

c/ Một bài báo có nêu thông tin : *“ Thị trường Indonexia và Bỉ là hai thị trường cung cấp lượng cà phê ít nhất cho Tây Ban Nha trong 7 tháng đầu năm 2022; Việt Nam cung cấp cà phê cho Tây Ban Nha nhiều hơn 24,6 % so với thị trường Indonexia”* . Theo em bài báo nêu thông tin có chính xác không ? Vì sao?

A pink rectangular box with black text

Description automatically generated **Câu 3:** *(1,5 điểm)*Gieo con xúc xắc có 6 mặt 100 lần, kết quả thu được ghi ở bảng sau

a) Viết tập hợp A các kết quả xảy ra đối với các mặt xuất hiện của xúc xắc

A triangle with lines and letters

Description automatically generatedb) Tính xác suất của thực nghiệm của biến cố *“ Mặt xuất hiện có số chấm là số chẵn”.*

c) Tính xác suất của thực nghiệm của biến cố *“ Mặt xuất hiện có số chấm là số lẻ”*

**Câu 4:** *( 0,5 điểm)*Tìm x có trong ***hình 2***

**Câu 5:** *( 2 điểm)*

Cho tam giác ABC cân tại A, có M là trung điểm của BC. Kẻ tia Mx song song với AC cắt AB tại E và tia My song song với AB cắt AC tại F. 

Chứng minh:

a/ EF là đường trung bình của tam giác ABC;

b/ AM là đường trung trực của EF

**--------------------HẾT--------------**

|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY SƠN TRƯỜNG THCS BÌNH NGHI**  **ĐỀ 1** | **ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM GIỮA KÌ II**  **NĂM HỌC 2023-2024**  **MÔN:** **Toán 8**  Thời gian: 90 phút (không kể thời gian phát đề) |

**A. TRẮC NGHIỆM:** (3 điểm)Mỗi câu chọn đúng 0,25 điểm.

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** |
| **Đáp án** | D | C | A | B | D | B | D | B | C | A | B | A |

**B. TỰ LUẬN:** (7 điểm)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Đáp án** | **Điểm** |
| **1**  0,5đ | Giải phương trình bậc nhất sau: 4x+6=0    Vậy phương trình có nghiệm  ( đúng đáp án mà không có bước giải đạt nửa số điểm) | 0,25  0,25 |
| **2**  2,5 đ | a/ Trong 7 tháng đầu năm 2022 thị trường cung cấp cà phê cho Tây Ban Nha là nhiều nhất là thị trường Việt Nam (30,1%); ít nhất là thị trường Indonexia (5,5%).  b/ Lượng cà phê mà thị trường Việt Nam cung cấp cho Tây Ban Nha gấp so với thị trường Bỉ là : 30,1% : 6,6% 5 *(lần)*  c/ Vì : 30,1% - 5,5% = 24,6% . Theo em bài báo nêu thông tin chính xác. | 1  1  1,5 |
| **3**  1,5đ | a/ Tập hợp A các kết quả xảy ra đối với các mặt xuất hiện của xúc xắc    b/ Xác suất của thực nghiệm của biến cố *“ Mặt xuất hiện có số chấm là số chẵn”.*  (18+14+20) : 100=52/100  c/ Xác suất của thực nghiệm của biến cố *“ Mặt xuất hiện có số chấm là số lẻ”*  (17+15+16) : 100=48/100 | 0,5  0.5  0,5 |
| **4**  0,5đ | A triangle with lines and letters  Description automatically generated Tam giác ABC có a//BC hay MN//BC    ( định lý thalet)  Hay | 0,5  0,5 |
| **5**  2đ | Cho tam giác ABC cân tại A, có M là trung điểm của BC. Kẻ tia Mx song song  a) Xét ∆ABC có M là trung điểm của BC và ME // AC nên E là trung điểm của AB.  Tương tự, do M là trung điểm của BC và MF // AB nên F là trung điểm của AC.  Do đó, EF là đường trung bình của tam giác ABC.  b) Do E, F lần lượt là trung điểm của AB, AC.  Nên ta có AE=AB/2, AF=AC/2và AB = AC (do ∆ABC cân tại A)  suy ra AE = AF  Do đó A nằm trên đường trung trực của EF   (1)  Lại có ME, MF là các đường trung bình của tam giác ABC  nên ME=AC/2, MF=AB/2  Mà AB = AC nên ME = MF  Do đó M nằm trên đường trung trực của EF  (2)  Từ (1) và (2) suy ra AM là đường trung trực của EF. | 0,5  0,5  0,25  0,25  0,25  0,25 |

***Lưu ý*:** *Mọi cách giải khác nếu đúng đều hưởng điểm tương xứng*

*Hình vẽ không khớp với đáp án không chấm.*

**KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II MÔN TOÁN – LỚP 8 NĂM HỌC 2023-2024**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT**  (1**)** | **Chương/Chủ đề**  (2) | **Nội dung/đơn vị kiến thức**  (3) | **Mức độ đánh giá**  (4-11) | | | | | | | | | **Tổng % điểm**  (12) |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | | **Vận dụng cao** | |  |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | | **TL** | **TNKQ** | **TL** |  |
| **1** | **CHƯƠNG VI**  **Một số yếu tố thống kê và xác suất**  **( 18 tiết)**  **(6 điểm)** | Thu thập, phân loại, mô tả và biểu diễn dữ liệu trên các bảng, biểu đồ. Phân tích và xử lí dữ liệu tìm được ở dạng bảng, biểu đồ. ( 3,5 đ) | 4  (1đ) | 1  (0,5đ) |  | 1  (1 đ) |  | | 1  (1 đ) |  |  | 35% |
| Xác suất của biến cố ngẫu nhiên, xác xuất thực nghiệm của một biến cố trong một số trò chơi đơn giản. (2,5 đ) | 4  (1đ) |  |  | 1  (1,5đ) |  | |  |  |  | 25% |
| **2** | **CHƯƠNG VII. Phương trình bậc nhất một ẩn (2 tiết)**  **(0,5đ)** | Phương trình bậc nhất một ẩn  ( 0,5 đ) |  | 1  (0,5) |  |  |  | |  |  |  | 5% |
| **3** | **CHƯƠNG VIII. Tam giác đồn dạng, hình đồng dạng (**  **10 tiết)**  **(3,5đ)** | Định lý thales, ứng dụng, đường trung bình, đường phân giác trong tam giác  ( 3 đ) | 2  (0,5đ) |  |  | 1  (0,5đ) |  | | 1  (1 đ) |  | 1  (1 đ) | 30% |
| Tam giác đồng dạng (0,5 đ) | 2  (0,5đ) |  |  |  |  | |  |  |  | 5% |
| **Tổng** | | | **12** | **2** |  | **2** |  | | **1** |  | **1** | 100% |
| **Tỉ lệ %** | | | **40%** | | **30%** | | **20%** | | | **10%** | | **100** |
| **Tỉ lệ chung** | | | **70%** | | | | | **30%** | | | | **100** |

**HƯỚNG DẪN BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II NĂM HỌC 2023-2024**

**MÔN: TOÁN 8**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **CHƯƠNG VI**  **Một số yếu tố thống kê và xác suất**  **( 18 tiết)**  **(6 điểm)** | Thu thập, phân loại, mô tả và biểu diễn dữ liệu trên các bảng, biểu đồ. Phân tích và xử lí dữ liệu tìm được ở dạng bảng, biểu đồ.  ( 3,5 đ) | **Nhận biết:**  - Thực hiện và lí giải được việc thu thập, phân loại dữ liệu theo các tiêu chí cho trước từ nhiều nguồn khác nhau: văn bản; bảng biểu; kiến thức trong các lĩnh vực giáo dục khác (Địa lí, Lịch sử, Giáo dục môi trường, Giáo dục tài chính,...); phỏng vấn, truyền thông, *Internet*; thực tiễn (môi  trường, tài chính, y tế, giá cả thị trường,...).  – Lựa chọn và biểu diễn được dữ liệu vào bảng, biểu đồ thích hợp ở dạng: bảng thống kê; biểu đồ tranh; biểu đồ dạng cột/cột kép (*column chart*), biểu đồ hình quạt tròn (cho sẵn) (*pie chart*); biểu đồ đoạn thẳng (*line*  *graph*).  – Phát hiện được vấn đề hoặc quy luật đơn giản dựa trên phân tích các số liệu thu được ở dạng: bảng thống kê; biểu đồ tranh; biểu đồ dạng cột/cột kép (*column chart*), biểu đồ hình quạt tròn (*pie chart*); biểu đồ đoạn thẳng (*line graph*).  **Thông hiểu:**  – Chứng tỏ được tính hợp lí của dữ liệu theo các tiêu chí toán học đơn giản (ví dụ: tính hợp lí trong các số liệu điều tra; tính hợp lí của các quảng cáo,...).  – Hiểu được mối liên hệ toán học đơn giản giữa các số liệu đã được biểu diễn. Từ đó, nhận biết được số liệu không chính xác trong những ví  dụ đơn giản.  – Giải quyết được những vấn đề đơn giản liên quan đến các số liệu thu  được ở dạng: bảng thống kê; biểu đồ tranh; biểu đồ dạng cột/cột kép (*column chart*), biểu đồ hình quạt tròn (*pie chart*); biểu đồ đoạn thẳng (*line graph*).  **Vận dụng:**  – Chứng tỏ được tính hợp lí của dữ liệu theo các tiêu chí toán học đơn giản (ví dụ: tính hợp lí trong các số liệu điều tra; tính hợp lí của các quảng cáo,...).   * So sánh được các dạng biểu diễn khác nhau cho một tập dữ liệu.   Mô tả được cách chuyển dữ liệu từ dạng biểu diễn này sang dạng biểu diễn khác.  – Vận dụng được mối liên hệ giữa thống kê với những kiến thức trong các  môn học khác trong Chương trình lớp 8 (ví dụ: Lịch sử và Địa lí lớp 8, Khoa học tự nhiên lớp 8,...) và trong thực tiễn. | 5  (1,5đ) | 1  (1 đ) | 1  (1 đ) |  |
| Xác suất của biến cố ngẫu nhiên, xác xuất thực nghiệm của một biến cố trong một số trò chơi đơn giản. (2,5 đ) | **Nhận biết:** Nhận biết được mối liên hệ giữa xác suất thực nghiệm của một biến cố với xác suất củaa biến cố đó thông qua một số ví dụ đơn giản.  **Thông hiểu:** Sử dụng được tỉ số để mô tả xác suất của một biến cố ngẫu nhiên trong một số ví dụ đơn giản. | 4  (1đ | 1  (1,5đ) |  |  |
| **2** | **CHƯƠNG VII. Phương trình bậc nhất một ẩn (2 tiết)**  **(0,5đ)** | Phương trình bậc nhất một ẩn  ( 0,5 đ) | **Nhận biết:** Hiểu được khái niệm phương trình bậc nhất một ẩn và cách giải. | 1  (0,5) |  |  |  |
| **3** | **CHƯƠNG VIII. Tam giác đồn dạng, hình đồng dạng (**  **10 tiết)**  **(3,5đ)** | Định lý thales, ứng dụng, đường trung bình, đường phân giác trong tam giác  ( 3 đ) | **Nhận biết:**  - Nhận biết được định lí Thalès trong tam giác (định lí thuận và đảo).  - Nhận biết được định nghĩa đường trung bình của tam giác.  - Nhận biết được tính chất đường phân giác trong của tam giác.  **Thông hiểu:** Giải thích được tính chất đường trung bình của tam giác (đường trung bình của tam giác thì song song với cạnh thứ ba và bằng nửa cạnh đó).  **Vận dụng:** Tính được độ dài đoạn thẳng trong tam giác bằng cách định lý, tính chất trên.  **Vận dụng cao:** Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc vận dụng định lí Thalès (ví dụ: tính khoảng cách giữa hai vị trí). | 2  (0,5đ) | 1  (0,5đ) | 1  (1 đ) | 1  (1 đ) |
| Tam giác đồng dạng (0,5 đ) | * Nhận biết: được định nghĩa của hai tam giác đồng dạng. | 2  (0,5đ) |  |  |  |
| **Tổng** | | | | 14 | 3 | 2 | 1 |
| ***Tỉ lệ %*** | | | | ***40%*** | ***30%*** | ***20%*** | ***10%*** |
| **Tỉ lệ chung** | | | | **70%** | | **30%** | |